

I. MỤC TIÊU KIỂM TRA

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong bài kiểm tra cuối học kỳ I, môn Ngữ văn - lớp 11.
- Khảo sát bao quát một số nội dung kiến thức, kỹ năng với mục đích đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Tự luận

III. THỜI GIAN : 90 phút

IV. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung	Câu hỏi	Năng lực môn học						Tỉ lệ
		Năng lực Đọc			Năng lực Viết			
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
Đọc hiểu VB VH	Câu 1 (0,5đ)	x						60%
	Câu 2 (0,5 đ)	x						
	Câu 3 (1,0đ)		x					
	Câu 4 (1,0đ)		x					
	Câu 5 (1,5đ)			x				
	Câu 6 (1,5đ)			x				
Viết (NLXH)	Câu 1 (4,0đ) (Bài NLVH)				x	x	x	40%

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao	

1	Đọc hiểu	Thơ hiện đại	Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được các chi tiết, hình ảnh nổi bật trong bài thơ. Thông hiểu: - Xác định và nêu hiệu quả của yếu tố tự sự trong bài thơ. - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ thơ. Vận dụng: - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của hình ảnh thơ. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề trong cuộc sống.	<i>Theo ma trận ở trên</i>	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.	Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung nghị luận và hình thức của văn bản nghị luận. - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày rõ nội dung nghị luận; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan. - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Bài viết có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, thuyết minh.		40

			Vận dụng: Lồng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, thuyết minh để tăng sức hấp dẫn cho văn bản. Vận dụng cao: Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung nghị luận.					
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%	100%

V. ĐỀ KIỂM TRA

SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
HOÀNG VĂN THỤ
(Đề thi gồm 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Ngữ văn – Khối 11
Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ:

MẸ VỀ

Đêm qua con thấy mẹ về
Bàn chân tất tả ngõ quê cuối chiều
Nắng tà in dáng mẹ xiêu
Khoảng sân mẹ đứng rất nhiều khói sương

Cây vườn bắt chợt dâng hương
Lá hoa nín vạt áo vương mùi trầu
Mấy năm mẹ đã ở đâu
Để khô héo cả hàng cau góc vườn

Tóc gầy thêm những sợi buồn
Mắt sâu thêm trũng, áo sờn thêm phai

Mẹ đi suốt tháng năm dài
Căn nhà thiếu mẹ gió mài mọt đêm

Mẹ ngồi im lặng bên thềm
Lại khâu áo cũ, lại tằm lá vàng
Miếng trầu lại thắm hồn làng
Mẹ cười nắng thấp dịu dàng lên môi

Nhìn con chẳng nói một lời
Rời trong bóng xế mẹ rời chân xa
Giật mình thức giấc canh ba
Chỉ con ngồi với tiếng gà dầm mưa...

(Trích Thơ Nguyễn Văn Song, Tạp chí Văn nghệ Quân đội, tr.85, 7.2024)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Nhân vật người mẹ được miêu tả qua những hình ảnh nào trong khổ thơ thứ nhất?

Câu 3. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố tự sự trong bài thơ.

Câu 4. (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong hai câu thơ:

*Cây vườn bắt chợt dâng hương
Lá hoa nín vạt áo vương mùi trầu*

Câu 5. (1,5 điểm) Cảm nhận của anh/chị về nhân vật người mẹ được miêu tả trong bài thơ.

Câu 6. (1,5 điểm) Từ nội dung văn bản, anh/chị suy nghĩ gì về vai trò tình cảm gia đình trong xã hội hiện đại?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc nâng niu những kỉ niệm quý giá trong cuộc sống.

----- HẾT -----

- Thí sinh không sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

VI. ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Nhân vật trữ tình là người con/ người con nhớ mẹ/ người con yêu thương mẹ... - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không đúng: 0 điểm	0,5
	2	Những hình ảnh miêu tả nhân vật người mẹ trong khổ thơ thứ nhất: <i>bàn chân tất tả, dáng mẹ xiêu.</i> - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 01 ý trong đáp án: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không đúng: 0 điểm	0,5
	3	- Yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ: <i>Cốt truyện</i> (nhân vật trữ tình mơ thấy mẹ, mẹ hiện về với những công việc quen thuộc rồi dần rời xa, để lại nhân vật trữ tình tỉnh giấc giữa canh ba); <i>nhân vật</i> (người con và người mẹ); <i>lời kể</i> (<i>Đêm qua con thấy mẹ về, Nhìn con chẳng nói một lời/ Rồi trong bóng xế mẹ rời chân xa...</i>); <i>thời gian</i> diễn ra câu chuyện (đêm qua); <i>không gian</i> diễn ra câu chuyện (ngôi nhà, khoảng sân, góc vườn...) - Hiệu quả: + Làm cho bài thơ sinh động, gợi cảm, hấp dẫn hơn. + Góp phần thể hiện cảm xúc nhớ thương, khát khao được gặp mẹ của nhân vật trữ tình. * Đối với việc chỉ ra các yếu tố tự sự: - Học sinh chỉ ra được 3 yếu tố trở lên được 0,5 điểm - Học sinh chỉ ra được 1 hoặc 2 yếu tố được 0,25 điểm - Học sinh không chỉ ra được yếu tố tự sự: 0 điểm * Đối với việc nêu hiệu quả	1,0

		- Học sinh nêu được như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh nêu thiếu 1 ý: 0,25 điểm - Không nêu được: 0 điểm	
	4	- Biện pháp nhân hoá: <i>Cây vườn dăng hương; Lá hoa níu vạt áo</i> - Tác dụng của nghệ thuật nhân hoá: + Sự vật, hiện tượng được miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động, gợi hình, gợi cảm, có thần thái, hồn cốt như con người. + Gián tiếp thể hiện tình cảm của người con đối với mẹ: Nhớ thương, biết ơn, kính trọng mẹ; lưu luyến, bịn rịn, khao khát được gặp lại mẹ. - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh nêu được biểu hiện của biện pháp nhân hoá: 0,25 điểm - Học sinh nêu được 2 ý về hiệu quả của nghệ thuật nhân hoá: 0,75 điểm (ý 1: 0,25 điểm; ý 2: 0,5 điểm) - Học sinh không trả lời được như đáp án: 0 điểm	1,0
	5	Cảm nhận về nhân vật người mẹ trong bài thơ: - Hình ảnh người mẹ hiện lên: Vất vả, lam lũ, khổ cực; chịu thương, chịu khó, giàu đức hi sinh và hiền hậu, dịu dàng. - Nhận xét: Người mẹ mang đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam cũng như những phẩm chất cao quý và tấm lòng muôn đời của tình mẫu tử. Nhân vật người mẹ đã nhắc nhở mỗi chúng ta về lòng hiếu thảo dành cho các đấng sinh thành. - Học sinh trả lời như đáp án hoặc gần như đáp án: 0,75 – 1,0 điểm - Học sinh trả lời được một phần đáp án: 0,5 – 0,25 điểm - Học sinh không trả lời được ý nào trong đáp án: 0 điểm	1,5
	6	Học sinh có thể trình bày suy nghĩ cá nhân về vai trò của tình cảm gia đình trong xã hội hiện đại nhưng cần phù hợp với đạo đức, ứng xử xã hội; lập luận chặt chẽ và thuyết phục; diễn đạt mạch lạc, sáng rõ; không sai lỗi chính tả. Gợi ý: - Tình cảm gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng trong xã hội hiện đại. - Lí giải: Tình cảm gia đình tạo không gian hạnh phúc cho mỗi thành viên; gia đình là điểm tựa tinh thần vững chắc khi con người gặp khó khăn, vấp ngã... Hướng dẫn chấm: - Học sinh lập luận chặt chẽ, thuyết phục; diễn đạt mạch lạc, chuẩn ngữ pháp tiếng Việt: 1,0 điểm - Học sinh còn mắc lỗi diễn đạt, ý chưa thuyết phục hoàn toàn: 0,5 – 0,75 điểm - Học sinh mắc nhiều lỗi lập luận, hành văn và chính tả: 0 – 0,25 điểm.	1,5
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn nghị luận	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sự cần thiết của việc nâng niu những kỉ niệm quý giá trong cuộc sống.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn bằng chứng và lí lẽ; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: Kỉ niệm quý giá là những sự việc đã xảy ra trong quá khứ, để lại trong lòng người những cảm xúc và dấu ấn tích cực. - Bàn luận: + Cần nâng niu, trân trọng những kỉ niệm quý giá bởi đó không chỉ là hành trang quý báu giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách mà còn là động lực để sống đẹp, sống ý nghĩa hơn; kỉ niệm quý giá cũng chính là sợi dây gắn kết mọi người trong hiện tại để hướng tới tương lai, giúp ta biết trân trọng những gì mình đang có. + Kỉ niệm quý giá có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống nhưng có người lại dễ dàng lãng quên, coi thường quá khứ. Bởi thế, cần trân trọng từng khoảnh khắc đã qua, có thái độ đúng đắn đối với quá khứ, trân trọng cuộc sống mỗi ngày và tạo ra những kỉ niệm đáng nhớ. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <i>Lưu ý:</i> HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

----- HẾT -----

